

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1550/2024/DS-ST  
Ngày: 24/4/2024.  
Vv Tranh chấp hợp đồng thi công  
xây dựng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Võ Văn Lợi

2/ Ông Trần Đăng Vạn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trọng Luân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 481/2022/DSST ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 1510/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1511/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1957

Bà Phạm Ngọc L, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: 8 T, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 2 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2022).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T2.

Địa chỉ trụ sở: F N, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: F đường F, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: F đường F, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/6/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Ngọc L và ông Hồ Ngọc H và đại diện theo ủy quyền Nguyễn Anh T cùng thống nhất trình bày:

Ngày 22/3/2021, vợ chồng ông Hồ Ngọc H- bà Phạm Ngọc L ký hợp đồng xây dựng hoàn thiện số Q2/HĐTC-ĐDC.2021 với Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2) về việc Công ty T2 thi công hoàn thiện xây dựng mới nhà ở dân dụng, tại công trình số A T, phường I, quận P theo giấy phép xây dựng số 129/GPXD ngày 11/5/2021 và bản vẽ thi công đã được phê duyệt, thời gian thi công là 140 ngày kể từ ngày 09/4/2021 (là ngày bàn giao công trình), với giá trị hợp đồng 1.200.000.000 đồng. Theo thỏa thuận ngay khi ký hợp đồng ông H- bà L thanh toán số tiền 100.000.000 đồng, đợt 2 nhận mặt bằng thi công ông H- bà L thanh toán tiếp 500.000.000 đồng, đợt 3 khi xong bê tông cốt thép lầu 1 ông H- bà L thanh toán tiếp 500.000.000 đồng, đợt 4 khi giao nhà thanh toán số còn lại 100.000.000 đồng, hình thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Theo thỏa thuận ngay sau khi ký hợp đồng ông H- bà L đã giao cho ông Trần Quốc T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó ông Trần Quốc T1 đề nghị ông H- bà L thanh toán các đợt còn lại qua hình thức chuyển khoản với số tài khoản do ông Trần Quốc T1 cung cấp là 15251227 Ngân hàng Á (A), cụ thể: ông H- bà L đã chuyển vào ngày 12/4/2021, chuyển 500.000.000 đồng, ngày 16/11/2021 chuyển 200.000.000 đồng, ngày 30/11/2021 chuyển tiếp 300.000.000 đồng, ngày 29/12/2021 chuyển 95.000.000 đồng. Ngày 13/12/2021, ông H- bà L giao tiền mặt cho ông T1 số tiền 110.000.000 đồng. Tổng cộng ông H- bà L đã giao số tiền là: 1.305.000.000 đồng. Thực tế số tiền đã giao nhiều hơn so với giá trị hợp đồng là ông Trần Quốc T1 nói do giá vật tư tăng và ông H- bà L đồng ý nên chuyển số tiền trên.

Thời gian thi công xong là 140 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng là ngày 09/4/2021. Nhưng do dịch covid bùng phát từ 30/5/2021 đến ngày 01/10/2021 nên ông H- bà L đã trừ thời gian dịch covid, thời điểm bàn giao nhà chậm nhất 27/01/2022. Sau khi hết dịch covid ông H, bà L đã liên hệ Công ty T2 nhiều lần đề nghị tiếp tục thi công công trình. Ngày 10/11/2021, ông Trần Quốc T1 có cho thợ đến làm và đến ngày 18/01/2022 thì không tiếp tục thi công và dọn hết máy móc ra khỏi công trình nhưng không thông báo cho ông H- bà L biết. Sau đó, ông H, bà L đã liên hệ Công ty T2 cũng như ông Trần Quốc T1 rất nhiều lần yêu cầu tiếp tục thi công để bàn giao nhà đúng thời hạn thỏa thuận nhưng phía bị đơn vẫn không có phản hồi. Ngày 15/3/2022 ông Trần Quốc T1 đến gặp ông H, bà L đề nghị được tiếp tục thi công, bà L, ông H đồng ý cho thi công tiếp nhưng bên phía Công ty T2 vẫn không thực hiện như đã hứa. Do đó, ngày 31/3/2022, ông H- bà L đã gửi thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thi công do vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng và bị đơn chỉ thực hiện được 30% khối lượng công việc, mới đập bỏ tầng gác lửng, vẫn còn 02 bức tường cũ, chưa thực hiện thi công gì nhiều nhưng phía Công ty T2 và ông Trần Quốc T1 vẫn không có phản hồi.

Ngày 24/5/2022, ông H- bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng thi công trên và yêu cầu Công ty T2 trả lại số tiền đã nhận là 1.305.000.000 đồng.

Sau khi nộp đơn khởi kiện, ngày 26/9/2022, phía ông Trần Quốc T1 có đến gặp ông H, bà L đề nghị được tiếp tục thi công nhưng ông H, bà L không đồng ý vì nhiều lần đến đề nghị được tiếp tục thi công, ông H, bà L đồng ý cho tiếp tục thi công nhưng vẫn không thực hiện làm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành công trình.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chấm dứt hợp đồng xây dựng hoàn thiện số -Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 và căn cứ theo kết luận giám định xây dựng của Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng thì Công ty T2

chỉ sửa chữa, cải tạo nâng tầng (tầng trệt, 01 lầu, mái tôn thành trệt, 02 lầu) và có vận dụng lại kết cấu cũ; công trình đang thi công dang dở đến sàn lầu 2 có lần kết cấu đã có trước và kết cấu mới. Chi phí tương ứng mức độ hoàn thành công trình là 163.027.000 đồng. Do đó, yêu cầu Công ty T2 trả lại số tiền sau khi trừ đi chi phí tương ứng mức độ hoàn thành công trình theo kết luận giám định trên là 1.305.000.000 đồng – 163.027.000 đồng = 1.141.973.000 đồng. Ngoài ra, ông H, bà L không còn yêu cầu gì khác.

Về chi phí giám định xây dựng ông H – bà L tự nguyện chịu.

Quá trình giải quyết bị đơn Công ty TNHH T2 vắng mặt.

Ngày 28/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được đơn gia hạn (gửi qua đường bưu điện) đề nghị được gia hạn thời gian nộp văn bản trình bày ý kiến của ông Trần Quốc T1. Tuy nhiên, từ đó đến nay phía bị đơn Công ty T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T1 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chấm dứt hợp đồng xây dựng hoàn thiện số Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 giữa nguyên đơn và Công ty T2, buộc Công ty T2 trả lại cho nguyên đơn số tiền sau khi trừ đi chi phí tương ứng mức độ hoàn thành công trình theo kết luận giám định của Trung tâm Q là 1.141.973.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tự nguyện chịu phí giám định xây dựng. Án phí theo quy định pháp luật.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ông Hồ Ngọc H- bà Phạm Ngọc L khởi kiện Công ty TNHH T2, địa chỉ trụ sở: F N, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng hoàn thiện số Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021. Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn Công ty TNHH T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H- bà L yêu cầu Tòa án chấm dứt hiệu lực của hợp đồng xây dựng hoàn thiện số -Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 và yêu cầu Công

ty T2 trả số tiền 1.141.973.000 đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về yêu cầu chấm dứt đồng xây dựng hoàn thiện số -Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021.

Căn cứ hợp đồng xây dựng hoàn thiện số -Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 giữa ông Hồ Ngọc H, bà Phạm Ngọc L và Công ty TNHH T2 thể hiện ông H, bà L là người giao cho Công ty T2 thi công hoàn thiện nhà ở dân dụng, thi công xây mới tại địa điểm thi công số A T, phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian thi công 140 ngày tính từ ngày bàn giao mặt bằng. Việc đôi bên ký kết hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 144 Luật xây dựng năm 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020.

Quá trình giải quyết, phía nguyên đơn xác định ngày 09/4/2021 là ngày bàn giao mặt bằng cho Công ty T2 khởi công xây dựng. Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 5/2021 đến ngày 30/9/2021 là thời gian giãn cách xã hội do xảy ra dịch covid theo Chỉ thị 15, 16, 19 của Thủ tướng Chính Phủ nên ông H, bà L trừ đi khoảng thời gian dịch bệnh covid, thời gian bàn giao nhà là ngày 27/01/2022. Sau ngày 30/9/2021, Thành phố Hồ Chí Minh cho phép 14 nhóm các hoạt động sản xuất, thương mại, kinh doanh, dịch vụ được cho phép hoạt động trong đó có công trình giao thông, xây dựng. Ngày 10/11/2021, Công ty T2 có ông Trần Quốc T1 đến công trình và cho thực hiện tiếp việc thi công công trình, đến ngày 18/01/2022, Công ty T2 không tiếp tục thi công và dọn hết máy móc ra khỏi công trình nhưng không thông báo cho ông H, bà Lan B. Ngày 31/3/2022, bà L, ông H đã gửi thông báo về việc chấm dứt hợp đồng do vi phạm thời gian thi công và cho đến nay công trình vẫn chưa thực hiện xong.

Căn cứ Kết luận giám định xây dựng số 18/KL-QLNGĐXD ngày 30/10/2023 của Trung tâm quản lý nhà và giám định xây dựng, kết luận: “Mức độ hoàn thành công trình: Đơn vị thi công đã không thực hiện đúng điều khoản theo hợp đồng -Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 và giấy phép xây dựng số 129/GPXD ngày 11/5/2021 là xây dựng mới công trình. Tại thời điểm khảo sát, công trình được sửa chữa, cải tạo nâng tầng (tờ rệt, 01 lầu, mái tôn thành rệt, 02 lầu) và có vận dụng lại kết cấu cũ, công trình đang thi công phần thô đang dở đến sàn lầu 2, trong công trình có lần kết cấu đã có trước và phần kết cấu xây mới...” có cơ sở xác định Công ty T2 vẫn chưa thực hiện xong công trình, vi phạm thời gian thi công, công trình đang thi công phần thô đang dở đến sàn lầu 2. Căn cứ Điều 145 Luật xây dựng năm 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020, nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng xây dựng hoàn thiện số -Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu Công ty TNHH T2 trả lại số tiền 1.141.973.000 đồng.

Theo hợp đồng xây dựng hoàn thiện số: -Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 thể hiện “đơn giá xây dựng phần thô và phần hoàn thiện nhân công hoàn thiện là 1.200.000.000 đồng”. Quá trình giải quyết nguyên đơn cho rằng ông Trần Quốc T1 báo giá vật tư tăng nên phát sinh thêm so với giá hợp đồng ban đầu và nguyên đơn đồng ý với phần tiền phát sinh thêm nên chuyển tiền cho bị đơn với tổng số tiền là 1.305.000.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và sao kê tài khoản ngân hàng số tài khoản 15251227 Ngân hàng TMCP Á thể hiện ông H, bà L đã thanh toán với tổng số tiền 1.305.000.000 đồng, cụ thể: ngày 25/3/2021, ông Trần Quốc T1 đã ký nhận số tiền

100.000.000 đồng tại mặt sau hợp đồng; ngày 12/4/2021, ông Hồ Ngọc H, bà Phạm Ngọc L chuyển số tiền 500.000.000 đồng: nội dung chuyển thanh toán tiền xây nhà đợt 1; ngày 16/11/2021, ông Hồ Ngọc H chuyển số tiền 200.000.000 đồng: nội dung thanh toán tiền xây nhà đợt 2; ngày 30/11/2021, ông Hồ Ngọc H chuyển tiếp 300.000.000 đồng nội dung thanh toán tiền xây nhà đợt 3; ngày 13/12/2021, ông Trần Quốc T1 viết biên nhận nhận tiền thi công nhà chú H số tiền 110.000.000 đồng; ngày 29/12/2021, ông Hồ Ngọc H chuyển số tiền 95.000.000 đồng, nội dung chuyển: Hồ Ngọc H thanh toán tiền xây nhà đợt 6 phát sinh.

Theo kết luận giám định xây dựng số 18/KL-QLNGĐXD ngày 30/10/2023 của Trung tâm quản lý nhà và giám định xây dựng kết luận chi phí tương ứng mức độ hoàn thành là 163.027.000 đồng.

Xét, hợp đồng xây dựng hoàn thiện số -Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 giữa nguyên đơn và bị đơn Công ty TNHH T2 do ông Trần Quốc T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký kết với nguyên đơn. Tại điều 7 của hợp đồng về thanh toán hợp đồng, thể hiện hình thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản nhưng trong hợp đồng không ghi rõ cụ thể số tài khoản phải chuyển là số tài khoản nào nên việc ông Trần Quốc T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty H1 số tài khoản ngân hàng trên cho nguyên đơn ông H, bà L đề ông H, bà L chuyển tiền thanh toán tiền xây nhà xây dựng nhà. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty T2 phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền sau khi trừ chi phí tương ứng mức độ hoàn thành theo kết luận giám định là 1.305.000.000 đồng - 163.027.000 đồng = 1.141.973.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty T2 phải chịu là 46.259.190 đồng.

Ông Hồ Ngọc H, bà Phạm Ngọc L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí giám định xây dựng: 60.448.000 đồng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tự nguyện chịu chi phí giám định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 144 và Điều 145 Luật xây dựng năm 2014 sửa đổi bổ sung năm 2020;
- Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Hồ Ngọc H**, bà **Phạm Ngọc L**.  
Chấm dứt hợp đồng xây dựng hoàn thiện số-Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 giữa ông **Hồ Ngọc H**, bà **Phạm Ngọc L** và Công ty TNHH T2 về việc thi công xây dựng công trình nhà ở dân dụng, địa điểm 1 T, phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị đơn Công ty TNHH T2 có trách nhiệm trả cho ông **Hồ Ngọc H**, bà **Phạm Ngọc L** số tiền 1.141.973.000 đồng.

Việc giao nhận tiền thực hiện ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Công ty TNHH T2 phải nộp số tiền án phí là 46.259.190 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông **Hồ Ngọc H**, bà **Phạm Ngọc L** thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí giám định xây dựng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông **Hồ Ngọc H**, bà **Phạm Ngọc L** tự nguyện chịu chi phí giám định xây dựng 60.448.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- **TAND TP . HCM;**
- **VKSND TP . Thủ Đức;**
- **Chi cục THADS TP . Thủ Đức;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Nhung**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi      giờ      ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Nhung.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn.
2. Ông Võ Văn Lợi.

Đã nghị án về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng thi công” thụ lý số 481/2022/TLST-Ds ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Hồ Ngọc Hà, sinh năm 1957

Bà Phạm Ngọc Lan, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: 87/7 Trần Huy Liệu, phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 200/17 Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền ngày 20/6/2022).

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH TM-DV cơ khí xây dựng Huy Hoàng.

Địa chỉ trụ sở: 667A Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quốc Toàn, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 67/3A/1 đường 6, khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Trần Quốc Toàn, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 67/3A/1 đường 6, khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3.

Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Ngọc Hà, bà Phạm Ngọc Lan.

Chấm dứt hợp đồng xây dựng hoàn thiện số-Q2/HĐTC-ĐDC.2021 ngày 22/3/2021 giữa ông Hồ Ngọc Hà, bà Phạm Ngọc Lan và Công ty TNHH TM-DV cơ khí xây dựng Huy Hoàng về việc thi công xây dựng công trình nhà ở dân dụng, địa điểm 128/11 Trần Khắc Chân, phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị đơn Công ty TNHH TM-DV cơ khí xây dựng Huy Hoàng có trách nhiệm cho ông Hồ Ngọc Hà, bà Phạm Ngọc Lan số tiền 1.141.973.000 đồng.



Việc giao nhận tiền thực hiện ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí: Công ty TNHH TM-DV cơ khí xây dựng Huy Hoàng phải nộp 46.253.790 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hồ Ngọc Hà, bà Phạm Ngọc Lan thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí giám định xây dựng: ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Hồ Ngọc Hà, bà Phạm Ngọc Lan tự nguyện chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên quyền kháng cáo.

Nghị án kết thúc vào hồi...giờ....phút, ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Trần Đăng Vạn Võ Văn Lợi Phạm Ngọc Nhung**